

Số: /2022/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Đông Hà
giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII;
Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Quảng Trị về quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Trị
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đông Hà lần thứ
XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc thông qua các nội dung trình kỳ họp thứ 9 - Hội đồng nhân
dân thành phố khóa XII kèm theo Đề án số 1430/ĐA-UBND ngày 11 tháng 7 năm
2022 của UBND thành phố về phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Đông Hà
giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến tham gia của đại biểu
Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Đông Hà
giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030 với các nội dung cơ bản sau:

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Về mạng lưới, quy mô trường lớp và huy động trẻ, học sinh

1.1.1. Về mạng lưới, quy mô trường lớp (có Phụ lục 04 kèm theo)

- Đến năm 2026, toàn thành phố có 30 trường mầm non (12 trường công lập
và 18 trường tư thục), tăng 06 trường tư thục so với năm 2021; 11 trường tiểu
học; 03 trường TH&THCS, 06 trường THCS; 01 trung tâm GDNN-GDTX.

- Đến năm 2030, toàn thành phố có 35 trường mầm non (13 trường công lập
và 22 trường tư thục, tăng 4 trường mầm non ngoài công lập so với giai đoạn

2022-2026); 11 trường tiểu học; 05 trường TH&THCS; 07 trường THCS và 01 trung tâm GDNN-GDTX (tách trường THCS Hiếu Giang thành THCS Đông Thanh; thành lập trường TH&THCS Đông Giang; thành lập 01 trường TH&THCS tại khu đô thị phía Đông thuộc phường Đông Lễ; thành lập 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 1 trường THCS ở phường Đông Lương do nhu cầu phát triển đô thị).

1.1.2. Huy động trẻ, học sinh (có Phụ lục 03 kèm theo)

- Giáo dục mầm non: Đến năm 2026, phần đầu tỉ lệ huy động trẻ mầm non đến trường đạt từ 75% đến 80%. Riêng tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%. Đến năm 2030, tỉ lệ huy động trẻ mầm non đến trường tăng thêm từ 5 đến 10%.

- Giáo dục tiểu học: Đến năm 2026, phần đầu huy động 99,6% học sinh đến trường, trong đó số học sinh đi học đúng độ tuổi là 99,83%. Có 99,83% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học. Đến năm 2030, phần đầu huy động 99,68% học sinh đến trường.

- Giáo dục THCS: Đến năm 2026, phần đầu huy động trên 99,8 % học sinh đến trường, trong đó số học sinh đi học đúng độ tuổi là trên 97%. Huy động 99,9% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; giảm tỉ lệ học sinh bỏ học xuống dưới 0,15%. Đến năm 2030, phần đầu huy động trên 99,85 % học sinh đến trường, trong đó số học sinh đi học đúng độ tuổi là trên 97,5%; giảm tỉ lệ học sinh bỏ học xuống dưới 0,1%.

1.2. Chất lượng giáo dục và đào tạo

- Cấp Mầm non: Phần đầu 100% trẻ mầm non được chăm sóc, giáo dục trong điều kiện thuận lợi và được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ phát triển về chiều cao, cân nặng. Giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống còn 2,5 đến 3%. Đến năm 2030, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống còn 2% đến 2,5%.

- Cấp Tiểu học: Phần đầu 99,6% học sinh đạt yêu cầu về phẩm chất và năng lực. Tỉ lệ học sinh lên lớp đạt trên 99,6%; Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,83%. Đến năm 2030, có 99,7% học sinh đạt yêu cầu về phẩm chất và năng lực. Tỉ lệ học sinh lên lớp đạt trên 99,7%; Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,85%.

- Cấp THCS: Phần đầu có trên 99% học sinh đạt kết quả rèn luyện khá, tốt; Học sinh lên lớp đạt tỉ lệ trên 98%; Tỷ lệ tốt nghiệp đạt từ 99% đến 100%; Thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Đến năm 2030, nâng tỉ lệ học sinh đạt kết quả rèn luyện từ khá, tốt trở lên đạt trên 99,6%.

- Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, duy trì và phần đầu tăng thứ hạng trong nhóm 3 huyện, thị xã, thành phố trong toàn tỉnh.

1.3. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (có Phụ lục 03 kèm theo)

- Có 100% cán bộ quản lý trường học được đào tạo chương trình quản lý giáo dục; 100% cán bộ quản lý có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

- Đến năm 2026, có 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo,

trong đó tỉ lệ trên chuẩn cấp mầm non có 78,5%; cấp tiểu học có 2%; cấp THCS có 6,5%; tỉ lệ đảng viên trong toàn ngành đạt từ 75,2% trở lên.

- Đến năm 2030, nâng trình độ trên chuẩn của giáo viên cấp mầm non lên 85%; cấp tiểu học lên 3%; cấp THCS lên 7,5%. Tỉ lệ đảng viên trong toàn ngành đạt từ 77% trở lên.

1.4. Kế hoạch đầu tư tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị và quy hoạch sử dụng đất (có Phụ lục 05 kèm theo)

1.4.1. Công tác đầu tư tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị

- Giai đoạn 2022-2026: Tổng kinh phí đầu tư cho công tác xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị là 241,66 tỷ đồng, trong đó: kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất là 211,955 tỷ đồng (Có Phụ lục 06 kèm theo); kinh phí mua sắm trang thiết bị, tài sản là 12,4 tỷ đồng và kinh phí thực hiện Chương trình GDPT 2018 là 17,3 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2027-2030: Tổng kinh phí đầu tư cho công tác xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị là 298,9 tỷ đồng, trong đó: kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất là 278,5 tỷ đồng (Có Phụ lục 06 kèm theo); kinh phí mua sắm trang thiết bị, tài sản là 12,4 tỷ đồng và kinh phí thực hiện Chương trình GDPT 2018 là 8,0 tỷ đồng.

1.4.2. Quy hoạch sử dụng đất cho ngành giáo dục và đào tạo (có Phụ lục 07 kèm theo)

Quy hoạch sử dụng đất cho giáo dục và đào tạo thành phố phải đảm bảo 10 m²/trẻ cho diện tích đất sử dụng bình quân tối thiểu đối với các trường mầm non, 8 m²/học sinh cho diện tích đất sử dụng bình quân tối thiểu đối với các trường tiểu học, TH&THCS, THCS theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tổng diện tích quỹ đất quy hoạch và bổ sung, mở rộng diện tích một số đơn vị trường học phục vụ công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia hoặc tăng quy mô trường lớp là: 384.500 m², trong đó diện tích tăng thêm là 290.100 m².

1.5. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

1.5.1. Công tác kiểm định chất lượng (có Phụ lục 03 kèm theo)

- Giai đoạn 2022-2026: Phần đầu có 24/30 trường mầm non đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đạt tỉ lệ 80%; có 11 trường tiểu học đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đạt tỉ lệ 100%; có 09 trường TH&THCS, THCS đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đạt tỉ lệ 100%.

- Đến năm 2030: Phần đầu có 30/35 trường mầm non đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đạt tỉ lệ 85,7%; duy trì 10/11 trường tiểu học đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đạt tỉ lệ 90,9% (có 01 trường Tiểu học sáp nhập với THCS và 01 trường thành lập mới chưa đủ điều kiện công nhận); duy trì 09/12 trường TH&THCS, THCS đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đạt tỉ lệ 75,0%.

1.5.2. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia (có Phụ lục 03 kèm theo)

- Giai đoạn 2022-2026: Phần đầu có 15/30 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 50% trong đó trường công lập 11/12 trường đạt tỉ lệ 91,6% ; có 9/11 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 81,8%; có 8/9 trường TH&THCS, THCS đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 88,8%.

- Đến năm 2030: Phần đầu có 17/35 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 48,6% trong đó trường công lập 12/13 trường đạt tỉ lệ 92,3% ; có 10/11 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 90,9%; Phần đầu có 09/12 trường TH&THCS, THCS đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 75,0%,

2. Nhu cầu về tài chính

2.1. Tổng nhu cầu kinh phí: 540,56 tỷ đồng. Trong đó: Giai đoạn 2022-2026: 241,56 tỷ đồng; Giai đoạn 2027 - 2030: 289,9 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 5,6*)

2.2. Phân kỳ đầu tư giai đoạn 2022-2026

- Năm 2017 (2016-2017): 70,207 tỷ đồng

- Năm 2018 (2017-2018): 31,96 tỷ đồng

- Năm 2019 (2018-2019): 36,94 tỷ đồng

- Năm 2020 (2019-2020): 52,4 tỷ đồng

- Năm 2021 (2020-2021): 59,15 tỷ đồng

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc triển khai thực hiện Đề án

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các ban ngành, các tổ chức từ thành phố đến các phường để triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo.

Tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức của đội ngũ về chủ trương đổi mới giáo dục đào tạo. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phong cách, lối sống cho đội ngũ giáo viên. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo”.

3.2. Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện Đề án

Bám sát thực tiễn, cụ thể hóa Chương trình hành động số 13-CTHĐ/TU ngày 30/9/2014 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 8 khóa XI của Đảng và Nghị quyết đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 vào các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm để thực hiện đạt hiệu quả cao.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động về chủ trương, chính sách trong phát triển Giáo dục và Đào tạo, các nghị quyết, văn bản về nâng cao chất lượng

Giáo dục và Đào tạo, các vấn đề cốt lõi của giáo dục đến từng tầng lớp nhân dân. Ngành giáo dục chủ động trong công tác tham mưu, tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn, phấn đấu đạt các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra. Chấm dứt tình trạng lạm thu, lạm chi trong trường học. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Tăng cường công tác quản lý dạy thêm, học thêm, kiểm tra khi có phản ánh của nhân dân; xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm các trường hợp cố tình dạy thêm, học thêm trái quy định.

3.3. Nâng cao chất lượng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

3.3.1. Rà soát, sắp xếp bố trí đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên trường học đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn về nghề nghiệp. Đề xuất với UBND tỉnh, Sở Nội vụ giao chỉ tiêu biên chế để bảo đảm mức biên chế viên chức theo quy định, khắc phục tình trạng bố trí, sử dụng không đúng cơ cấu viên chức và không phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Điều chỉnh và rà soát đề án vị trí việc làm trong tất cả các cơ sở giáo dục để tham mưu kịp thời kế hoạch sắp xếp, bồi dưỡng đảm bảo cơ cấu và điều kiện, tiêu chuẩn quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng dự nguồn được tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý và chính trị. Thực hiện luân chuyển cán bộ quản lý để tạo ra động lực mới, tránh sức ỳ và đảm bảo chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý cơ bản đồng đều giữa các nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT; thực hiện tốt công tác tinh giản biên chế theo Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

3.3.2. Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức công tác đào tạo, bồi dưỡng, tự học, tự nghiên cứu, mở rộng, nâng cao kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của mỗi nhà giáo để đáp ứng được yêu cầu đổi mới Giáo dục và Đào tạo và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên theo hướng thiết thực, bồi dưỡng những nội dung nhằm cập nhật kiến thức về chủ trương, quy định của ngành; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, phát triển năng lực dạy học theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp, theo yêu cầu nhiệm vụ từng năm học, yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

Khuyến khích giáo viên bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định và đảm bảo chất lượng. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức hỗ trợ, phục vụ để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp. Tập trung bồi dưỡng giáo viên, nhân viên để thực hiện tốt nhiệm vụ khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

3.4. Nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục

3.4.1. Đối với giáo dục Mầm non

Tiếp tục triển khai chuyên đề "xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025; Xây dựng kế hoạch triển khai mô hình “Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục. Thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, phát triển chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương, của nhà trường, quan tâm đến nhu cầu, khả năng và hứng thú của từng trẻ để có biện pháp tác động phù hợp với từng cá nhân trẻ nhất là đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

Tiếp tục đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện đánh giá sự phát triển của trẻ theo đúng quy định của Chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi. Tổ chức bán trú tại trường và đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ khi đến lớp.

3.4.2. Đối với giáo dục Phổ thông

3.4.2.1. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần được đổi mới đảm bảo phương châm: Dạy thật, học thật, đánh giá thật, chất lượng thật, hiệu quả cao. Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các cấp học. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Nâng cao chất lượng thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đổi mới và đẩy mạnh công giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông. Đa dạng hóa nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường. Làm tốt công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thiếu niên, nhi đồng, thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động của các tổ chức Đoàn, Đội trong trường học. Chú trọng công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

3.4.2.2. Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn

Đẩy mạnh công tác quản lý, phát huy năng lực sáng tạo của giáo viên và học sinh trong bồi dưỡng học sinh giỏi, gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục toàn diện trong các nhà trường. Đề xuất với Sở GD&ĐT để có cơ chế phối hợp với các trường THPT trên địa bàn thành phố trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Phát huy tối đa năng lực của đội ngũ giáo viên cốt cán, đồng thời, tranh thủ sự hỗ trợ từ đội ngũ giáo viên bậc THPT trong công tác tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi cho thành phố.

Quan tâm đến công tác khuyến học khuyến tài. Chỉ đạo các Hội Khuyến học từ thành phố đến cơ sở tổ chức được nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả. Thực hiện chính sách ưu tiên, khuyến khích; tăng cường công tác tuyên dương, khen

thường cho giáo viên và học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi thành phố, cấp tỉnh và cấp quốc gia.

3.5. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018

Tăng cường công tác tập huấn, nâng cao năng lực và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nâng cao năng lực quản trị nhà trường. Xây dựng quy trình quản lý hoạt động chuyên môn thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới một cách khoa học, phù hợp thực tiễn đơn vị. Tăng cường công tác hướng dẫn các trường phổ thông triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

3.6. Quy hoạch cơ sở vật chất, mạng lưới vật chất kỹ thuật trường lớp

Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường lớp và quy mô nhà trường của các trường mầm non, tiểu học, TH&THCS, THCS trên địa bàn thành phố gắn với sự gia tăng dân số tại các phường và quy hoạch mở rộng các khu dân cư, khu - cụm công nghiệp trên địa bàn. Xây dựng lộ trình tăng hoặc giảm số lớp học lí, đảm bảo các trường không vượt quá số lớp theo quy định; thực hiện giảm số học sinh trên lớp theo Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh để nâng cao chất lượng dạy học. Xây dựng các phương án quy hoạch, mở rộng khuôn viên trường lớp, đảm bảo diện tích đất theo quy định của Điều lệ trường đối với từng cấp học, tạo điều kiện để mở rộng sân bãi phục vụ tốt các hoạt động của học sinh; chủ động quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch khuôn viên nhà trường, quan tâm xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mới và đảm bảo cho việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông mới. Rà soát và chú trọng đầu tư cơ sở vật chất các trường theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trước mắt, chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo đủ phòng học và hoàn thiện dần hệ thống khối phòng phụ trợ và khối phòng tổ chức ăn; xây dựng thêm lớp học, phòng học bộ môn cho các trường để thực hiện CTGDPT mới và đáp ứng yêu cầu sĩ số không quá 35HS/lớp đối với tiểu học theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT và không quá 45HS/lớp đối với THCS theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

Tập trung trang bị cơ sở vật chất, bàn ghế, thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới (theo lộ trình 5 năm). Bổ sung cơ sở vật chất trường lớp, đầu tư thiết bị tối thiểu cho các nhà trường trên địa bàn theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa.

3.7. Công tác giao tự chủ tài chính (*áp dụng với mức thu học phí mới*)

Rà soát, xây dựng phương án tự chủ tài chính tự đảm bảo một phần chi thường xuyên tại các đơn vị trường học có điều kiện theo Nghị định 60/2021/NĐ-

CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp các dịch vụ giáo dục và chất lượng cao; tăng nguồn thu, nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động và giảm nguồn ngân sách nhà nước chi cho hưởng lương. Phấn đấu đến năm 2026, giao tự chủ tài chính tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (mức tự đảm bảo từ 10% đến 30%) đối với 11 đơn vị trường học. Phấn đấu trong giai đoạn 2022 – 2026, giảm 146 số biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước, trong đó có 06 chỉ tiêu của Trung tâm GDNN-GDTX thành phố.

Đến năm 2030, tăng thêm 04 đơn vị được giao tự chủ tài chính tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (mức tự đảm bảo từ 10% đến 30%) cụ thể là: MN Hương Sen, MN Đông Lương, TH Võ Thị Sáu, TH Sông Hiếu. Phấn đấu giai đoạn 2027-2030 số biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước giảm thêm 3% so với biên chế toàn ngành và có từ 01 đến 02 đơn vị tự chủ tài chính toàn phần.

3.8. Tăng cường các nguồn lực về tài chính và đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư, huy động tối đa các nguồn thu từ xã hội hóa, thu học phí; khuyến khích các khoản đóng góp tự nguyện, từ thiện cho giáo dục. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động phát triển giáo dục trên địa bàn. Đa dạng hóa các loại hình trường lớp, mô hình học tập để đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng học tập của nhân dân, góp phần xây dựng xã hội học tập.

Ưu tiên đầu tư có trọng điểm các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đối với các hạng mục công trình cần thiết, cấp bách theo lộ trình hợp lý như: phòng học, nhà vệ sinh, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, nhà hiệu bộ... đáp ứng công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Thông nhất về lĩnh vực, quy trình, quản lý và sử dụng đối với công tác xã hội hóa. Công tác xã hội hóa giáo dục tập trung vào một số vấn đề: cải thiện và nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ việc học tập của học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục năng khiếu cho học sinh... Huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia và các yếu tố đảm bảo chất lượng giáo dục.

Khuyến khích, đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài nhằm huy động, thu hút mọi lực lượng xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập, góp phần xây dựng phong trào giáo dục của các địa phương phát triển lành mạnh, từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của cả nước. Đồng thời, giúp đỡ, hỗ trợ đối với học sinh diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tiếp tục phát triển các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh nghèo học giỏi.

3.9. Nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Thực hiện Kế hoạch 179/KH-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về triển khai thực hiện đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. củng cố và nâng cao chất lượng các trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường liên kết đào tạo và đào tạo nghề ở địa phương; tạo nhiều cơ hội cho người dân học tập suốt đời, giúp người học có kiến thức, kỹ năng để tiếp tục tham gia các chương trình giáo dục, đáp ứng được yêu cầu của công việc, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Củng cố, duy trì vững chắc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: phổ cập tiểu học mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 3, duy trì chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tạo bước đột phá mới về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở và Trung học phổ thông vào học các chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn.

Đẩy mạnh công tác giảng dạy văn hóa gắn với công tác dạy nghề phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông đào tạo nhằm phát triển quy mô đào tạo. Tiếp tục phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp, trọng tâm là hiện đại hóa, thực hiện chuyển đổi số và đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo chức năng, nhiệm vụ giám sát thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia giám sát và thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XII, kỳ họp thứ Chín thông qua và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh bầu trên địa bàn Đông Hà;
- Sở Tư pháp; Trung tâm Công báo tỉnh;
- TT Thành ủy, các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy;
- TT HĐND và các Ban HĐND thành phố;
- UBND; UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố khóa XII;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, TT HĐND, UBND, UBNDTTQVN các phường;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, Ban KT-XH.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Anh Đào